

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2021/HS-ST

Ngày: 12 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/HSST-QĐ ngày 10/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 15/2021/TB-HS ngày 27/9/2021 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Hồng Q, sinh năm 1981 tại Quảng Bình; thường trú: Ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Huy H1, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1954; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/02/2001, bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí M xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/HS-ST; đã chấp hành án xong hình phạt tù vào ngày 15/3/2002.

Bị tạm giam từ ngày 29/12/2020 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1989; thường trú: Xóm 9, xã Q, huyện Qu, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số 43 đường 110B, phường P, thành phố Th, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Đặng Văn M, sinh năm 1961; địa chỉ: 164/16 HT35, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Huy H1, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai (cha của bị cáo); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Thị Hồng Q và ông Đặng Văn M sống chung với nhau như vợ chồng và có với nhau 02 con chung. Năm 2012, ông M nhận chuyển nhượng diện tích đất 30m² thuộc thửa số 44, tờ bản đồ số 19 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương của ông Nguyễn Đức T với giá 60.000.000 đồng. Sau đó, ông M xây căn nhà cấp 4 trên phần đất này và đưa Q về sống chung từ năm 2013.

Năm 2018, Q quen biết ông Nguyễn Hữu H và có vay của ông H số tiền 20.000.000 đồng. Biết ông H có nhu cầu mua nhà ở, Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông H. Thực hiện ý định, Q dựa vào hợp đồng chuyển nhượng đất diện tích 30m² thuộc thửa số 44 giữa ông M và ông T để làm một hợp đồng giả, trong đó thay bên mua là Hoàng Thị Hồng Q. Q đưa hợp đồng giả cho ông H xem, ông H tin tưởng nhà và đất là của bị cáo nên đồng ý nhận chuyển nhượng. Ngày 10/8/2018, Q và ông H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất trên với giá 350.000.000 đồng, căn trừ vào số tiền 20.000.000 đồng Q vay trước đó, ông H trả cho Q số tiền 330.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo đã nhận của ông H 350.000.000 đồng. Sau khi ông H thanh toán tiền, Q bỏ về Q tại xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Khi ông H dọn đến ở thì gặp ông M nói cho ông H biết đây là nhà của ông M. Sau đó, ông H đến Công an phường T trình báo vụ việc. Công an phường T lập hồ sơ ban đầu chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 23/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định trưng cầu giám định số 576/GĐ-PC09 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của Hoàng Thị Hồng Q và ông Nguyễn Đức T trên “Hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất” đề ngày 15/5/2014 và “Hợp đồng chuyển nhượng một phần

quyền sử dụng đất, có nhà ở” đề ngày 10/8/2018. Kết luận giám định số 451/GĐ-PC09 ngày 30/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương như sau:

- Chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay mang tên “Hoàng Thị Hồng Q” trên các tài liệu cần giám định (ký H1 A1 và A2) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay ngón trỏ phải, ngón trỏ trái của Hoàng Thị Hồng Q trên các tài liệu mẫu (ký H1 M1 đến M8) do cùng một người ký, viết và in ra.

- Chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay mang tên “Nguyễn Đức T” trên tài liệu cần giám định (ký H1 A1) so với chữ ký, chữ viết họ tên và dấu vân tay của Nguyễn Đức T trên các tài liệu mẫu (ký H1 M9 đến M14) không phải do cùng một người ký, viết và in ra.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Hữu H yêu cầu Hoàng Thị Hồng Q bồi thường số tiền 434.000.000 đồng bao gồm: tiền gốc 350.000.000 đồng và lãi suất 84.000.000 đồng. Ông Hoàng Huy H1 là cha ruột của bị cáo đã bồi thường cho ông H số tiền 50.000.000 đồng, ông H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Q.

Bản Cáo trạng số 72/CT-VKSTU ngày 23/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hoàng Thị Hồng Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hồng Q từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Hữu H thống nhất nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo. Sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích, ông H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tiền bị chiếm đoạt còn lại 300.000.000 đồng đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Trong phần trình bày lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của bị cáo, bị hại, các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và không ảnh hưởng đến việc xét xử. Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người này. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị Hồng Q khai nhận: Ngày 10/8/20218, bị cáo sử dụng “Hợp đồng chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất” giả đề ngày 15/5/2014 có nội dung thoả thuận giữa bên nhận chuyển nhượng là bị cáo và bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Đức T để ông Nguyễn Hữu H tin tưởng căn nhà số 12/08 trên thửa đất số 44, tờ bản đồ số 19 khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương là của bị cáo. Do vậy, ông H đồng ý nhận chuyển nhượng, ký hợp đồng với bị cáo và giao số tiền 350.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bị cáo bỏ trốn. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên vẫn cố ý phạm tội. Hành vi này thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần xử bị cáo thật nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường được một phần cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao, vì xét đến hoàn cảnh gia đình cần xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 300.000.000 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội, bị kết án và phải bồi thường cho bị hại nên phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Hồng Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Hồng Q 7 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Hoàng Thị Hồng Q phải bồi thường cho bị hại ông Nguyễn Hữu H số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Thị Hồng Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời H1 thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí